

Số: 360/2024/QĐST-HNGĐ

Gò Công Tây, ngày 19 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 211/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Lê Quang Th, sinh năm 1982.

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Phạm Việt Diễm Tr, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quang Th với chị Phạm Việt Diễm Tr.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quang Th với chị Phạm Việt Diễm Tr.

- Về con chung: Anh Th với chị Tr có 01 con chung tên là Lê Quang T, sinh ngày 06/7/2019, đang sống chung với chị Tr.

Anh Th với chị T thỏa thuận, thống nhất giao cháu Lê Quang T cho chị Tr tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung; không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Quang Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Quang T mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*); thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản riêng: Anh Lê Quang Th được quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 19, diện tích 2963,0m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04521 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 15/01/2018 cho ông Lê Quang Th; đất tọa lạc tại: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí:

+ Anh Th phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009686 ngày 05/9/2024 và 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009737 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên anh Th đã nộp xong án phí.

+ Chị Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND thị trấn V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Trung Hiếu**